TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **134**/2022/DS-ST
Ngày: 24-8-2022
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Tân.

2. Ông Hà Quốc Sử.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên toà: Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2022/TLST-DS, ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 307/2022/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 273/2022/QĐST-DS giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị My L, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn:

Ông Phan Thanh Th, sinh năm 1980;

Bà Nguyễn Thị Kim Ch, sinh năm 1984.

Cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã T, huyện P, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện tại: phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị My L có mặt; ông Phan Thanh Th, bà Nguyễn Thị Kim Ch vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/03/2022; 30/3/2022 bà Nguyễn Thị My L thể hiện

nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Ngày 21/01/2022 bà có cho bà Nguyễn Thị Kim Ch và ông Phan Thanh Th vay số tiền 400.000.000 đồng để đầu tư mua đất và cam kết đến ngày 27/01/2022 sẽ hoàn trả lại. Đến hạn trả tiền ngày 27/01/2022 nhưng bà Ch và ông Th không hoàn trả và xin hẹn lại trễ nhất đến ngày 11/02/2022. Đến ngày 11/02/2022 bà Ch và ông Th vẫn không hoàn trả và tiếp tục hẹn đến ngày 16/02/2022. Đến ngày 16/02/2022 bà Ch và ông Th vẫn không hoàn trả và tiếp tục hẹn đến ngày 21/02/2022, ngày 03/3/2022. Đến ngày 03/3/2022 bà Ch, ông Th chỉ trả được 80.000.000 đồng (Trong đó gốc là 44.000.000 đồng và lãi là 36.000.000 đồng), thì ngưng cho đến nay. Bà nhận thấy bà Ch và ông Th đã sử dụng tiền của bà không đúng với mục đích là mua đất và cố tình tránh né không chịu hoàn trả hết số tiền đã mượn. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu bà Ch và ông Th trả cho bà số tiền còn lại là 356.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 03/3/2022 đến khi hoàn trả lại toàn bộ số tiền nói trên với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị My L, tại văn bản trình bày ý kiến ngày 25/4/2022; biên bản hòa giải ngày 08/7/2022 bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Ch thể hiện ý kiến:

Bà và ông Th xác định có ký hợp đồng vay số tiền 400.000.000 đồng của bà L vào ngày 21/01/2022. Hẹn trả trong thời hạn 07 ngày từ ngày 21/01/2022 đến ngày 28/01/2022. Lãi suất thỏa thuận trong 07 ngày là bao nhiêu bà không nhớ. Tuy nhiên, vợ chồng bà không có trả gốc và lãi được như thỏa thuận. Đến ngày 03/3/2022 thì bà có chuyển khoản trả được cho bà L 80.000.000 đồng (Trong đó gốc là 44.000.000 đồng và lãi là 36.000.000 đồng). Đối với yêu cầu của bà L bà đồng ý trả số tiền gốc 356.000.000 đồng còn lại và yêu cầu được điều chỉnh lại lãi suất theo mức lãi suất quy định của pháp luật, có xem xét khấu trừ lãi đã nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị My L, tại văn bản trình bày ý kiến ngày 09/5/2022; bị đơn ông Phan Thanh Th thể hiện ý kiến:

Ông thống nhất với yêu cầu của bà Nguyễn Thị My L như sau: Hoàn trả lại số tiền cho bà L; trả lãi theo mức lãi suất quy định của pháp luật từ ngày bà L chuyển khoản đến ngày thanh toán.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà L yêu cầu ông Th và vợ là bà Ch liên đới nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ gốc 356.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 04/3/2022 cho đến ngày Tòa án xét xử theo mức lãi suất quy định của pháp luật. Đối với số tiền lãi 36.000.000 đồng bà Ch đã trả bà đồng ý khấu trừ lại theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Ch, ông Th vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn bà L thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn ông Th, bà Ch không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị My L khởi kiện yêu cầu ông Phan Thanh Th và bà Nguyễn Thị Kim Ch trả tiền vay. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Th, bà Ch có địa chỉ cư trú tại thành phố Long Xuyên nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Th, bà Ch được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Th, bà Ch.

[3] Về nội dung vụ án:

Căn cứ hợp đồng vay tiền ngày 21/01/2022 thể hiện là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi; kỳ hạn là 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng đến 28/01/2022, sau đó hai bên thỏa thuận gia hạn đến ngày 03/3/2022. Đến thời điểm hiện tại phía bà Ch, ông Th vẫn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 yêu cầu của bà L buộc ông Th, bà Ch trả gốc và lãi là có căn cứ.

Số tiền lãi 36.000.000 đồng mà bà Ch, ông Th trả cho bà L từ ngày 21/01/2022 đến ngày 03/3/2022 tương ứng với mức lãi suất 6%/tháng, so với mức lãi suất tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là vượt quá giới hạn được pháp luật quy định. Do đó mức lãi suất thỏa thuận vượt mức không có hiệu lực. Mức lãi suất thỏa thuận có hiệu lực là 20%/năm.

Căn cứ vào khoản 5 Điều Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định, các khoản lãi phía bà Ch, ông Th phải trả cho bà L gồm: Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận 20%/năm; lãi chậm trả lãi trên nợ lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/năm; lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% mức lãi suất vay do các bên thỏa thuận là 30%/năm.

Tính đến ngày 03/3/2022 bà L xác định ông Th, bà Ch đã trả được 44.000.000 đồng tiền nợ gốc và 36.000.000 đồng tiền lãi.

Theo quy định của pháp luật số tiền lãi ông Th, bà Ch phải trả cho bà L từ ngày 21/01/2022 đến ngày 03/3/2022 là 8.863.000 đồng. Bao gồm 8.767.000 đồng tiền lãi trên nợ gốc và 96.000 đồng tiền lãi chậm trả lãi. Trong đó: Lãi trên nợ gốc bằng

400.000.000 đồng x 20% năm x 40 ngày và tiền lãi chậm trả lãi bằng 8.767.000 đồng x 10%/ năm x 40 ngày). Tuy nhiên ông Th, bà Ch đã trả cho bà L số tiền lãi 36.000.000 đồng là nhiều hơn so với quy định 27.137.000 đồng. Số tiền này sẽ được trừ vào tiền nợ gốc mà ông Th, bà Ch còn nợ bà L tại thời điểm ngày 03/3/2022. Số tiền gốc ông Th, bà Ch còn nợ lại sau khi đã được trừ số tiền 27.137.000 đồng là 328.863.000 đồng.

Do từ thời điểm 03/3/2022 đến nay ông Th, bà Ch không trả nợ gốc cho bà L nên ông Th, bà Ch phải có nghĩa vụ trả lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả cho bà L. Từ ngày 04/3/2022 đến ngày 24/8/2022 là 173 ngày: 328.863.000 đồng x 30%/năm x 173 ngày = 46.762.000 đồng.

Tổng gốc và lãi bà Ch, ông Th có nghĩa vụ trả cho bà L là: 375.625.000 đồng.

[4] Về nghĩa vụ liên đới của ông Th, bà Ch: Ông Th, bà Ch là vợ chồng. Việc vay tiền của bà L do ông Th và bà Ch cùng xác lập nên căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu buộc ông Th và bà Ch liên đới nghĩa vụ trả nợ của bà L là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tại Hợp đồng cho vay tiền ký kết giữa bà Nguyễn Thị My L với ông Phan Thanh Th và bà Nguyễn Thị Kim Ch ngày 21/01/2022 thể hiện việc bên vay có thế chấp các tài sản gồm: (1) Thửa đất tại Bình Chơn, Bình Chánh, Châu Phú, An Giang. Diện tích 19080m^2 đất trồng lúa. Giấy chứng nhận QSDĐ số: 00740.QSDĐ/fA, ngày cấp: 05/5/1998, do bà Trịnh (mẹ bên B) chủ sở hữu; (2) Căn hộ số 6A1 khu A, khu dân cư Tây đại học, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Diện tích 70,06m^2 theo Hợp đồng mua bán nhà ở xã hội số 362/HĐMB.XLAG ngày 29/3/2017. Tuy nhiên tại biên bản đối chất ngày 08/7/2022 bà L và bà Ch thống nhất giữa các bên chỉ ghi nhận trong hợp đồng nhưng thực tế các bên không có ký hợp đồng thế chấp, không có đăng ký thế chấp hay giao nhận giấy tờ tài sản thế chấp theo thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét để giải quyết nội dung các bên thỏa thuận tại Điều 4.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận nên ông Th và bà Ch chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ phải thực hiện cho bà L theo quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận nên bà L được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị My L: Buộc ông Phan Thanh Th và bà Nguyễn Thị Kim Ch liên đới nghĩa vụ trả số tiền còn nợ lại của Hợp đồng cho vay tiền ký kết giữa bà Nguyễn Thị My L với ông Phan Thanh Th và bà Nguyễn Thị Kim Ch ngày 21/01/2022 là 375.625.000 (Ba trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng. Trong đó: Nợ gốc là 328.863.000 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn là 46.762.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim Ch, ông Phan Thanh Th phải nộp: 18.781.000 (Mười tám triệu, bảy trăm tám mươi mốt nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị My L được nhận lại 8.900.000 (Tám triệu, chín trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001135, ngày 01 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

3/ Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị My L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án;

Bà Nguyễn Thị Kim Ch, ông Phan Thanh Th được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Bé Thu